

Bản án số: 177/2025/DS-PT

Ngày: 21-03-2025

V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Dũng;

**Các Thẩm phán:** Ông Nguyễn Văn Tài;

Bà Trần Thị Thanh Trúc.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Tuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 500/2024/TLPT-DS ngày 29/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 288/2024/DS-ST ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1959; địa chỉ thường trú: số A, đường L, khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: số A, đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- **Bị đơn:**

1. Ông Lê Văn N, sinh năm 1960;

2. Bà Phạm Ngọc L, sinh năm 1957;

3. Ông Lê Minh A, sinh năm 1981;

4. Ông Lê Thanh P, sinh năm 1983;

5. Bà Trần Ngọc D, sinh năm 1984;

6. Bà Bùi Hiếu T, sinh năm 1993;

Cùng thường trú: số E, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 4 năm 2024, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ trình bày.*

Vào ngày 18/12/2015, tại nhà ông Đoàn Văn Đ, địa chỉ: số A, đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh ông Đoàn Văn Đ với ông Lê Văn N, ông Lê Minh A, ông Lê Thanh P, bà Phạm Ngọc L, bà Trần Ngọc D và bà Bùi Hiếu T có ký kết Giấy vay tiền (kiêm giấy nhận tiền) ngày 18/12/2015 với nội dung ông Đoàn Văn Đ cho ông Lê Văn N, bà Phạm Ngọc L, ông Lê Minh A, ông Lê Thanh P, bà Trần Ngọc D và bà Bùi Hiếu T vay số tiền 1.600.000.000 đồng, lãi vay 2%/tháng, thời hạn vay từ ngày 18/12/2015 đến ngày 18/12/2020 nhưng quá một tháng không trả lãi thì thời hạn nêu trên không còn giá trị thực hiện nữa, lãi trả hàng tháng, vốn trả một lần khi đáo hạn. Các bên đều tự ký ghi rõ họ tên vào Giấy vay tiền. Giấy vay tiền (kiêm giấy nhận tiền) ngày 18/12/2015 này do ông Đ đánh máy. Sau khi các bên ký vào Giấy vay tiền ngày 18/12/2015 thì ông Đ đã giao tiền mặt cho ông N, bà L và các con gồm bà T, ông A, ông P, bà D tại nhà ông Đ. Ông Đ đã giao đủ tiền cho bị đơn còn mệnh giá tiền nào thì do thời gian đã lâu nên ông Đ không nhớ. Bị đơn cho rằng khoản vay trên đã được giải quyết bằng Bản án sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương và Bản án phúc thẩm số 184/2022/DS-PT ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thì ông Đ không đồng ý vì: Tại 02 bản án này số tiền vay đến 28/10/2016 đã tuyên là 7.150.000.000 đồng không bao gồm khoản vay 1.600.000.000 đồng, không có việc vay tiền của ông A, ông P, bà D, bà T đối với ông Đ. Ngoài ra, cụm từ “*các khoản nợ từ 15/11/2017 về trước không còn giá trị và đã cộng dồn*” do ông Đ ghi xác nhận nợ và ký với ông N, bà L (có tài liệu là các Giấy vay tiền trước 15/11/2017) thể hiện không có khoản vay 1.600.000.000 đồng. Việc xác nhận chỉ có hiệu lực đối với các giấy nhận nợ giữa ông Đ với bà L và ông N, không có giá trị đối với cùng lúc đối với bà L, ông N, ông A, P, bà D và bà T.

Bị đơn cho rằng ông Đ sử dụng chứng cứ giả mạo thì ông Đ không đồng ý vì: Chứng cứ là văn bản bản chính ông Đ đang khởi kiện bị đơn và giao nộp cho Tòa án là hợp pháp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chứng cứ đó. Bị đơn cho rằng ông Đ không có quyền khởi kiện thì ông Đ không đồng ý vì: Tranh chấp vay tài sản mà bị đơn không trả nợ là yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên không tính thời hiệu khởi kiện như viện dẫn của bị đơn. Hơn nữa quy định pháp luật ghi rõ: Người có nghĩa vụ mà yêu cầu áp dụng thời hiệu nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ thì không được chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Lê Văn N, ông Lê Minh A, ông Lê Thanh P, bà Phạm Ngọc L, bà Trần Ngọc D, bà Bùi Hiếu T phải trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền vay gốc là 1.600.000.000 đồng.

2. Buộc ông Lê Văn N, ông Lê Minh A, ông Lê Thanh P, bà Phạm Ngọc L, bà Trần Ngọc D, bà Bùi Hiếu T phải trả tiền lãi với lãi suất 20%/năm từ ngày 18/12/2015 đến ngày 18/8/2024 là 105 tháng với số tiền 2.800.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền tạm tính là 4.400.000.000 đồng.

*Bị đơn ông Lê Văn N và bà Phạm Ngọc L thống nhất trình bày:*

Ông N và bà L không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ vì giữa ông N, bà L và các con không có vay tiền của ông Đ theo Giấy vay tiền ngày 18/12/2015 hoặc bất kỳ khoản vay nào, bởi các luận cứ sau:

Thứ nhất: vụ việc đã được giải quyết bằng một bản án có hiệu lực pháp luật. Do có mối quan hệ quen biết, trước đây bà Phạm Ngọc L và ông Lê Văn N có mượn ông Đoàn Văn Đ số tiền 8.000.000.000 đồng, ông N và bà L đã trả gốc là 4.000.000.000 đồng, khi vay tiền ông N và bà L có thể chấp một số các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do không có khả năng chi trả nên ông Đoàn Văn Đ đã khởi kiện ông N và bà L về việc tranh chấp hợp đồng vay. Tòa án đã giải quyết bằng Bản án sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương theo hướng “chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Lê Văn N, bà Phạm Ngọc L có trách nhiệm trả nợ cho ông Đoàn Văn Đ số tiền vay gốc 4.000.000.000 đồng và tiền lãi suất 1.631.000.000 đồng. Tổng cộng là 5.631.000.000 đồng, đương sự trong vụ án có kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Bản án dân sự phúc thẩm số 184/2022/DS-PT ngày 19/8/2022 theo hướng giữ nguyên bản án sơ thẩm. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ trong vụ kiện trước, nguyên đơn cũng đã thừa nhận ngoài khoản vay theo Giấy vay tiền ngày 15/11/2017 thì không có khoản vay nào khác. Như vậy, vụ việc tranh chấp hợp đồng vay đã được giải quyết bằng một bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào Biên nhận 28/10/2016 do ông Đ là người viết thể hiện: “Trả tiền trong tổng số tiền đã nhận trước ngày 25/10/2016...còn nợ 7.150.000.000 đồng”. Tại Biên nhận ngày 21/10/2019 thể hiện: “tính đến ngày 21/10/2019 tổng số nợ còn lại của ông Lê Văn N còn 4.000.000.000 đồng. Nội dung trên thể hiện, ông Đoàn Văn Đ chỉ cho ông N và bà L vay số tiền 8.000.000.000 đồng và ông N và bà L đã trả cho ông Đ 4.000.000.000 đồng. Nội dung này đã thể trong đoạn [2.1] của Bản án dân sự phúc thẩm số 184/2022/DS-PT ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương: “Quá trình vay tiền, ngày 21/5/2018, ông N, bà L đã trả cho ông Đ được số tiền gốc 2.000.000.000 đồng và ngày 21/10/2019, ông N, bà L trả tiếp cho ông Đ được số tiền gốc 2.000.000.000 đồng. Việc trả số tiền gốc hai bên đều thừa nhận”. Đây là các tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên, đề nghị Tòa án phải căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để đình chỉ giải quyết vụ án.

Thứ hai: có căn cứ để chứng minh nguyên đơn sử dụng chứng cứ giả tạo. Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 18/12/2015 nguyên đơn cung cấp thể hiện nhiều điểm không phù hợp như sau:

- Trên Giấy vay tiền bổ sung thêm tên ông Lê Thanh P, bà Trần Ngọc D. Ở đây nếu văn bản thoả thuận vay tiền được chuẩn bị sẵn thì tại sao có thêm tên của Lê Thanh P, Trần Ngọc D. Vậy ai là người viết vào tờ giấy vay tiền? Đây là điểm bất thường đầu tiên.

- Trên cùng văn bản xuất hiện hai màu mực, màu mực bên A ông Đoàn Văn Đ ký lại tương đồng với phần được thêm tên ông Lê Thanh P, bà Trần Ngọc D.

- Sự vô lý về mặt thời gian khi Giấy vay tiền năm 2015 nhưng mãi đến năm 2024, tức là sau thời điểm ông Đ khởi kiện vụ án trước vào năm 2020.

Trong vụ án trước đây, ông Đoàn Văn Đ cũng đã khởi kiện ông Lê Minh A với các chứng cứ không và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương cũng đã nhận định tại Bản án dân sự phúc thẩm số 184/2022/DS-PT ngày 19/8/2022: *“Từ những phân tích nêu trên cho thấy Hợp đồng đặt cọc ngày 20/01/2018 là không có thật, không có việc giao nhận bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/01/2018 và ông Đ không chứng minh đã giao tiền cọc 700.000.000 đồng cho ông A nên yêu cầu trả lại tiền cọc và phạt cọc của ông Đ là không có căn cứ chấp nhận”*. Như vậy, Toà án đã đánh giá đúng bản chất của sự việc là ông Đ đã lợi dụng quá trình vay tiền của ông N và bà L trong vụ án trước bằng việc ký các giấy tiền liên quan nên tồn tại các chữ ký của bà Bùi Hiếu T, Lê Minh A, Lê Thanh P, Trần Ngọc D. Thực tế, phía ông N và bà L chỉ vay 4.000.000.000 đồng và đã được giải quyết bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 184/2022/DS-PT ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Còn bà Bùi Hiếu T, Lê Minh A, Lê Thanh P, Trần Ngọc D không có quan hệ vay mượn với ông Đ với bất kỳ khoản vay nào khác và ông N, bà L chỉ vay ông Đ số tiền đã được giải quyết bằng bản án dân sự có hiệu lực trường đây. Ông N và bà L không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký, chữ viết tại Giấy vay tiền ngày 18/12/2015.

Thứ ba: Nguyên đơn không có quyền khởi kiện do hết thời hiệu khởi kiện theo quy định. Nguyên đơn cho rằng đã gửi Thông báo cho bị đơn về nội dung yêu cầu trả nợ vào các ngày 10/9/2020, ngày 05/10/2020, ngày 08/02/2022 là không đúng sự thật. Bởi lẽ, nguyên đơn không gửi bất kỳ thông báo nào cho bị đơn, việc có các thông báo các ngày 10/9/2020, ngày 05/10/2020, ngày 08/02/2022 là do nguyên đơn tự soạn thảo và gửi đến Tòa, không có chứng cứ để xác định nguyên đơn đã gửi cho bị đơn và chứng cứ bị đơn đã nhận. Do đó, nguyên đơn không chứng minh được đã gửi cho bị đơn các thông báo nên việc khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay là không phù hợp vì đã hết thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 của Bộ luật Dân sự 2015 về thời hiệu khởi kiện về hợp đồng: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định các trường hợp đình chỉ vụ án: *“Đương sự có yêu cầu áp dụng thời hiệu*

*trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện đã hết’.*

Bị đơn khẳng định không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đoàn Văn Đ vì ông Đ không có quyền và lợi ích bị xâm phạm. Vụ việc đã được Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, ông Đ vẫn khởi kiện là không có căn cứ. Vì các lẽ trên, đề nghị Tòa án áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 217 Bộ luật dân sự 2015 để đình chỉ giải quyết vụ án.

*Bị đơn ông Lê Minh A, ông Lê Thanh P, bà Trần Ngọc D và bà Bùi Hiếu T vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến: Thông nhất với lời trình bày của ông Lê Văn N, bà Phạm Ngọc L.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 288/2024/DS-ST ngày 09/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ đối với bị đơn ông Lê Văn N, bà Phạm Ngọc L, ông Lê Minh A, ông Lê Thanh P, bà Trần Ngọc D và bà Bùi Hiếu T về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 17/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố D nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 288/2024/DS-ST ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Nguyên đơn kháng cáo đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được cấp sơ thẩm thu thập cũng như lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp mới nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát,

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ là trong thời hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện: Theo Giấy vay tiền (kiêm giấy nhận tiền) ngày 18/12/2015, ông Đoàn Văn Đ cho ông Lê Văn N, bà Phạm Ngọc L, ông Lê Minh A, ông Lê Thanh P, bà Trần Ngọc D và bà Bùi Hiếu T vay số tiền 1.600.000.000 đồng, lãi vay 2%/tháng, thời hạn vay từ ngày 18/12/2015 đến ngày 18/12/2020, quá 01 tháng không trả lãi thì thời hạn nêu trên không còn giá trị thực hiện, lãi trả hàng tháng, vốn trả một lần khi đáo hạn. Ông Đ cho rằng sau khi vay tiền thì các bị đơn không trả tiền gốc và lãi từ 18/12/2015 cho đến nay nên ông yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn thanh toán tiền vay gốc là 1.600.000.000 đồng và lãi từ 18/12/2015 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án (ngày 18/8/2024) là 2.800.000.000 đồng.

[2.2] Về quan hệ vay tiền: Nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ với bị đơn ông Lê Văn N và bà Phạm Ngọc L có quan hệ vay tiền nhiều lần với nhau từ năm 2015 đến năm 2017 với nhiều khoản vay khác nhau. Trước đây, ông Đ đã khởi kiện yêu cầu ông N và bà L thanh toán số tiền còn nợ là 4.000.000.000 đồng theo Giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay) ngày 15/11/2017 và Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã ban hành Bản án sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 30/3/2022 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn Đ. Sau đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Bản án phúc thẩm số 184/2022/DS-PT ngày 19/8/2022 giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

[2.3] Về nghĩa vụ thanh toán tiền vay:

[2.3.1] Nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ cho rằng khoản nợ gốc 1.600.000.000 đồng theo Giấy vay tiền (kiêm giấy nhận tiền) ngày 18/12/2015 đang khởi kiện bị đơn tại vụ án này là khoản nợ độc lập của ông Lê Văn N, bà Phạm Ngọc L và các con của ông N, bà L là ông Lê Minh A, ông Lê Thanh P, bà Trần Ngọc D và bà Bùi Hiếu T. Về Giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay) ngày 15/11/2017 thì ông Đ cho rằng chỉ xác nhận nợ và ký với ông N, bà L và chỉ có hiệu lực đối với các giấy nhận nợ giữa ông Đ với bà L và ông N, không có giá trị đối với cùng lúc đối với bà L, ông N, ông A, ông P, bà D và bà T.

[2.3.2] Tuy nhiên, theo nội dung Giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay) ngày 15/11/2017 (bút lục số 85), do ông Đ viết tay, ký ghi rõ họ và tên ghi nhận việc ông N và bà L còn nợ 6.000.000.000 đồng và xác định “*Các khoản nợ khác không còn giá trị, các giấy vay phát sinh từ 15/11/2017 về trước, tức trước ngày 15/11/2017 đã cộng dồn*”. Tại Biên nhận ngày 21/5/2018 (bút lục số 86), do ông Đ viết tay, ký ghi rõ họ và tên ghi nhận việc ông N và bà L còn nợ 6.000.000.000 đồng và xác định “*Nợ trước ngày 21/5/2018 không còn giá trị*”. Như vậy, ông Đ đã tự mình xác định ông N và bà L chỉ còn nợ mình 6.000.000.000 đồng kể từ ngày 21/5/2018.

[2.3.3] Đồng thời, tại trang số 13 của Bản án sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương (Bút lục số 69) Hội đồng xét xử có nhận định “...sở dĩ ông Đ có được chữ ký và chữ viết của anh A là do trước đây khoảng năm 2015-2016, cha mẹ anh A là ông N, bà L có vay tiền của ông Đ và ông Đ yêu cầu tất cả mọi người trong gia đình anh A và các em của anh A cùng ký vào hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho số tiền vay của cha mẹ anh A...”. Tại trang số 14 của Bản án phúc thẩm số 184/2022/DS-PT ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (Bút lục số 78) Hội đồng xét xử cũng nhận định “...sở dĩ ông Đ có được chữ ký và chữ viết của anh A là do trước đây khoảng năm 2015, năm 2016 ông N, bà L có vay tiền của ông Đ và ông Đ yêu cầu tất cả mọi người trong gia đình của ông A cùng ký vào hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho số tiền vay...”. Căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 “*Những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật*”. Do đó, việc Giấy vay tiền ngày 18/12/2015 có chữ ký của ông Lê Minh A, ông Lê Thanh P, bà Trần Ngọc D và bà Bùi Hiếu T đã được Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xác định là ký theo yêu cầu của ông Đoàn Văn Đ để đảm bảo cho việc trả nợ, thực tế không có việc vay tiền và giao nhận tiền giữa ông Đ và các con của ông N và bà L.

[2.3.4] Như vậy, có cơ sở khẳng định nội dung Giấy vay tiền ngày 15/11/2017, các bên đã thống nhất nợ từ trước 15/11/2017 đã được cộng dồn để chốt số tiền ông N, bà L còn nợ ông Đ là 6.000.000.000 đồng và tại Biên nhận ngày 21/5/2018, ông Đ xác định các khoản nợ trước ngày 21/5/2018 không còn giá trị. Tuy nội dung này không thể hiện rõ khoản nợ ngày 18/12/2015 nhưng căn cứ vào nội dung này có đủ cơ sở khẳng định tại thời điểm các bên xác lập số nợ còn lại 6.000.000.000 đồng vào ngày 21/5/2018 thì ông N, bà L không còn nợ ông Đ khoản tiền nào. Đồng thời, thực tế ông Lê Minh A, ông Lê Thanh P, bà Trần Ngọc D và bà Bùi Hiếu T không có quan hệ vay tiền và giao nhận tiền với ông Đ mà chỉ là ký để đảm bảo cho việc trả nợ của ông N và bà L.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích các bên, xét xử phù hợp với quy định pháp luật. Nguyên đơn kháng cáo nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn Văn Đ là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên không phải nộp theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 288/2024/DS-ST ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn Văn Đ được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

**Nguyễn Trung Dũng**